

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG TRÚNG THƯỜNG CTKM
"KIỀU HỎI TRAO TÌNH THÂN TÍCH LŨY NHẬN TIỀN THƯỜNG"
Kênh MoneyGram Đợt 4 từ 01/01/2019 tới 31/01/2019

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
1	22	NINH BÌNH	TRAN THI YEN	14,000	500,000
2	86	VINH	NGUYEN THI PHUONG	13,451	500,000
3	39	TÂY CẦN THƠ	PHAM THI LAN	13,230	500,000
4	5	BÌNH ĐỊNH	VU THI XUAN HOA	12,000	500,000
5	6	KHÁNH HÒA	PHU TUONG LONG	10,700	500,000
6	74	TRÀ VINH	TRUONG THI THUY LIEU	10,507	500,000
7	102	PHỐ HIẾN	TRAN TUAN ANH	10,176	500,000
8	4	ĐÀ NẴNG	HUYNH THI HAI HA	10,000	500,000
9	9	KIẾN GIANG	NGUYEN PHAM TUAN	10,000	500,000
10	18	NAM SÀI GÒN	HOANG NGOC PHUONG	10,000	500,000
11	10	NGHỆ AN	DINH QUANG TAN	9,500	500,000
12	39	TÂY CẦN THƠ	LE THI YEN NHI	9,500	500,000
13	67	TIỀN GIANG	TRAN VAN CUA	9,100	500,000
14	20	HÀ TĨNH	DANG NGOC HUE	9,000	500,000
15	10	NGHỆ AN	TRUONG THI THAO	8,931	500,000
16	7	HỒ CHÍ MINH	MOHAMED NAVAVI	8,600	500,000
17	48	BIÊN HOÀ	HOANG VAN HOA	8,600	500,000
18	24	BẾN TRE	NGUYEN THUY HONG HANH	8,500	500,000
19	58	NHA TRANG	NHIEU KIEN THANG	8,106	500,000
20	35	BẮC NINH	NGUYEN VAN CAN	8,067	500,000
21	11	CẦN THƠ	TRINH NGOC THAO	8,000	500,000
22	22	NINH BÌNH	DAO THI KHUYEN	8,000	500,000
23	29	GIA LAI	PHAN THI BON	8,000	500,000
24	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN THI VU	8,000	500,000
25	51	SÀI THÀNH	NGUYEN THI TUYET	8,000	500,000
26	56	LÂM ĐỒNG	NGUYEN NGOC TU	8,000	500,000
27	58	NHA TRANG	NGUYEN THI XUAN THUY	8,000	500,000
28	59	HƯNG YÊN	NGUYEN VAN BAN	7,995	200,000
29	72	KỶ ĐỒNG	NGUYEN VAN KHA	7,980	200,000
30	34	HẢI DƯƠNG	VU THI THUY	7,973	200,000
31	21	THÁI BÌNH	NGUYEN THI NGUYET	7,953	200,000
32	34	HẢI DƯƠNG	PHAM KHAC VINH	7,868	200,000
33	20	HÀ TĨNH	TRAN THI HOA	7,677	200,000
34	7	HỒ CHÍ MINH	CHE KIM MY CHI	7,664	200,000
35	83	NAM ĐỊNH	NGUYEN THI DAO	7,542	200,000
36	56	LÂM ĐỒNG	HO DOANH	7,516	200,000
37	6	KHÁNH HÒA	CUA HUYNH	7,500	200,000
38	8	VŨNG TÀU	HO QUANG DAT	7,500	200,000
39	10	NGHỆ AN	DINH QUANG PHUONG	7,500	200,000
40	16	HUẾ	HOANG LAO	7,500	200,000
41	21	THÁI BÌNH	NGUYEN THI THUAN	7,500	200,000
42	37	TÂN ĐỊNH	MAI THUY NIEN	7,500	200,000
43	38	THỦ ĐỨC	NGUYEN MY PHUOC	7,500	200,000
44	67	TIỀN GIANG	VO THI HONG THAM	7,500	200,000
45	87	LONG KHÁNH	BACH THAI SON	7,500	200,000
46	100	NAM ĐÀ NẴNG	NGUYEN THI LE EM	7,450	200,000
47	48	BIÊN HOÀ	NGUYEN THI PHUONG	7,448	200,000
48	5	BÌNH ĐỊNH	NGUYEN VAN DAN	7,432	200,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
49	20	HÀ TÍNH	NGUYEN TIEN THANH	7,344	200,000
50	26	THỦ THIÊM	MAI THI TUYET LIEU	7,331	200,000
51	102	PHỐ HIỀN	TRAN THI NGUYEN	7,302	200,000
52	80	PHÚ THỌ	TRAN VAN TRUNG	7,294	200,000
53	22	NINH BÌNH	NGUYEN THI THANH	7,277	200,000
54	49	THẮNG LONG	LUONG NGOC DUC	7,273	200,000
55	59	HƯNG YÊN	DAO THI THOA	7,272	200,000
56	80	PHÚ THỌ	NGUYEN QUANG HUE	7,186	200,000
57	31	QUẢNG BÌNH	CAO THI THOM	7,164	200,000
58	3	HẢI PHÒNG	NGUYEN THI TAM	7,154	200,000
59	73	BẮC GIANG	TRAN VAN CUNG	7,079	200,000
60	43	QUY NHƠN	NGUYEN THI YEN NHI	7,058	200,000
61	10	NGHỆ AN	PHAM VAN TOAN	7,043	200,000
62	32	SÓC TRĂNG	TRIEU THANH TAM	7,035	200,000
63	69	TÂY HÀ NỘI	DUONG TIEN THANH	7,018	200,000
64	102	PHỐ HIỀN	TRAN LE QUYEN	7,016	200,000
65	8	VŨNG TÀU	LE VAN THANG	7,000	200,000
66	21	THÁI BÌNH	LE KHAC CUONG	7,000	200,000
67	32	SÓC TRĂNG	LY THI NGA	7,000	200,000
68	34	HẢI DƯƠNG	AN VAN MANH	7,000	200,000
69	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN THI BA	7,000	200,000
70	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN THI THU PHUONG	7,000	200,000
71	35	BẮC NINH	NGUYEN DINH QUANG	7,000	200,000
72	70	TÂY NINH	DUONG TRUONG HOANG ANH	7,000	200,000
73	73	BẮC GIANG	NGUYEN XUAN TRUONG	7,000	200,000
74	77	QUẢNG TRỊ	HO THI THUYET	7,000	200,000
75	78	THANH HÓA	NGO THI THAO	7,000	200,000
76	79	VĨNH LONG	LE THI KIEU DIEM	7,000	200,000
77	102	PHỐ HIỀN	NGHIEM BA THO	6,947	200,000
78	10	NGHỆ AN	NGUYEN VAN THUC	6,943	200,000
79	41	NAM BÌNH DƯƠNG	DO QUANG DUC	6,934	200,000
80	16	HUẾ	MA THI VE	6,900	200,000
81	62	BÌNH THUẬN	NGUYEN THI NGOC DAO	6,900	200,000
82	19	CÀ MAU	LUONG NGOC DEN	6,835	200,000
83	10	NGHỆ AN	NGUYEN THI HOAI	6,813	200,000
84	34	HẢI DƯƠNG	PHAM QUANG LUAT	6,806	200,000
85	34	HẢI DƯƠNG	CHUONG THI MO	6,768	200,000
86	10	NGHỆ AN	NGUYEN THI LIEU	6,743	200,000
87	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN VAN TANG	6,705	200,000
88	33	SÀI GÒN	NGUYEN THI THUY TIEN	6,700	200,000
89	34	HẢI DƯƠNG	PHAM VAN THUONG	6,690	200,000
90	34	HẢI DƯƠNG	VU THI HUE	6,624	200,000
91	21	THÁI BÌNH	LE THI MY THO	6,600	200,000
92	64	BẮC HÀ TĨNH	PHAM THI HUYEN	6,600	200,000
93	87	LONG KHÁNH	NGUYEN DIEM	6,567	200,000
94	67	TIỀN GIANG	NGUYEN THI THU TAM	6,511	200,000
95	5	BÌNH ĐỊNH	TRAN THI BICH LIEN	6,500	200,000
96	9	KIÊN GIANG	THAI NGOC DIEP	6,500	200,000
97	24	BẾN TRE	NGUYEN VAN CHI HUNG	6,500	200,000
98	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI THUY	6,500	200,000
99	33	SÀI GÒN	VAN THI TUYET NHUNG	6,500	200,000
100	73	BẮC GIANG	NGUYEN THI HUONG	6,500	200,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
101	86	VINH	TRAN HUNG	6,500	200,000
102	10	NGHỆ AN	NGUYEN THI LUAN	6,494	200,000
103	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI AN	6,491	200,000
104	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI DAO	6,480	200,000
105	45	THÀNH CÔNG	PHAM THI HOAI	6,464	200,000
106	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN THI OANH	6,458	200,000
107	34	HẢI DƯƠNG	PHAM THI LUAN	6,449	200,000
108	16	HUẾ	HOANG DUC THUAN	6,361	200,000
109	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN THI PHUONG	6,358	200,000
110	3	HẢI PHÒNG	PHAM THI TAM	6,357	200,000
111	15	AN GIANG	PHAM THI TRUC PHUONG	6,350	200,000
112	83	NAM ĐỊNH	TRAN VAN CONG	6,334	200,000
113	20	HÀ TĨNH	NGUYEN THI VINH	6,323	200,000
114	60	ĐỒNG THÁP	TRAN THI THANH	6,300	200,000
115	32	SÓC TRĂNG	NGUYEN VAN HOM	6,268	200,000
116	83	NAM ĐỊNH	TRAN VAN THANH	6,192	200,000
117	102	PHỐ HIẾN	PHAM THI HUONG	6,174	200,000
118	31	QUẢNG BÌNH	LE VIET CAN	6,118	200,000
119	20	HÀ TĨNH	TRAN THI CHAT	6,093	200,000
120	42	HÙNG VƯƠNG	NGUYEN THAI HOA	6,050	200,000
121	73	BẮC GIANG	HO NGOC KIEM	6,034	200,000
122	31	QUẢNG BÌNH	DANG THI CO	6,030	200,000
123	18	NAM SÀI GÒN	NHAN HOANG TUAN	6,011	200,000
124	5	BÌNH ĐỊNH	THAI QUOC TIENG	6,000	200,000
125	6	KHÁNH HÒA	NGUYEN THI BINH	6,000	200,000
126	8	VŨNG TÀU	TRUONG THI VIET ANH	6,000	200,000
127	9	KIÊN GIANG	HUYNH KHOI THANH	6,000	200,000
128	56	LÂM ĐỒNG	NGUYEN PHI ANH	6,000	200,000
129	56	LÂM ĐỒNG	TONG HOANG DAN THUY	6,000	200,000
130	56	LÂM ĐỒNG	NIM CHI PHUNG	6,000	200,000
131	59	HƯNG YÊN	TRAN THI PHUC	6,000	200,000
132	62	BÌNH THUẬN	NGUYEN NGOC CANH	6,000	200,000
133	64	BẮC HÀ TĨNH	THAI THI LE	6,000	200,000
134	65	QUẢNG NAM	PHAN MINH HAO	6,000	200,000
135	74	TRÀ VINH	LE THI THU THUY	6,000	200,000
136	91	TÂN SƠN NHẤT	CAO THI THU PHUONG	6,000	200,000
137	10	NGHỆ AN	LE THI LAM	5,951	100,000
138	86	VINH	LE VAN VIET	5,949	100,000
139	20	HÀ TĨNH	NGUYEN VAN THAO	5,926	100,000
140	12	ĐỒNG NAI	DINH THI BAO LOAN	5,900	100,000
141	16	HUẾ	CHAU THI LAN PHUONG	5,900	100,000
142	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI LY	5,896	100,000
143	34	HẢI DƯƠNG	LE THI THAM	5,871	100,000
144	34	HẢI DƯƠNG	VU THI THANH	5,850	100,000
145	89	BẠC LIÊU	DUONG THI THE	5,816	100,000
146	20	HÀ TĨNH	NGUYEN THI AI	5,813	100,000
147	4	ĐÀ NẴNG	VAN MY	5,800	100,000
148	43	QUY NHƠN	NGUYEN THI MY Y	5,800	100,000
149	6	KHÁNH HÒA	DANIIL KOROBKIN	5,779	100,000
150	74	TRÀ VINH	SON THI HOA	5,763	100,000
151	11	CẦN THƠ	NGUYEN THI NGOC HOA	5,730	100,000
152	8	VŨNG TÀU	NGUYEN THI MY TRINH	5,721	100,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
153	29	GIA LAI	KSOR H HLIU	5,721	100,000
154	42	HÙNG VƯƠNG	NGUYEN THI PHUONG	5,700	100,000
155	43	QUY NHƠN	NGUYEN XUAN THANH	5,700	100,000
156	72	KỶ ĐỒNG	LE HOANG TUYET PHI	5,700	100,000
157	20	HÀ TỈNH	NGUYEN THI BAO LUU	5,686	100,000
158	20	HÀ TỈNH	TRAN THI MIEN	5,670	100,000
159	73	BẮC GIANG	NGUYEN THI HUONG	5,656	100,000
160	20	HÀ TỈNH	NGUYEN THI TU	5,654	100,000
161	78	THANH HÓA	LE QUANG THONG	5,647	100,000
162	73	BẮC GIANG	NGO THI CHINH	5,631	100,000
163	80	PHÚ THỌ	DANG THI TAN	5,629	100,000
164	16	HUẾ	DUONG VAN TRIEN	5,600	100,000
165	69	TÂY HÀ NỘI	PHUNG THI PHUONG HOA	5,592	100,000
166	16	HUẾ	TRAN NGOC RIN	5,550	100,000
167	10	NGHỆ AN	NGUYEN VAN HONG	5,522	100,000
168	16	HUẾ	PHAN HONG PHUONG	5,510	100,000
169	77	QUẢNG TRỊ	DOAN THI BICH THAO	5,505	100,000
170	4	ĐÀ NẴNG	NGUYEN LE VAN HUNG	5,500	100,000
171	9	KIÊN GIANG	NGUYEN THI HANH	5,500	100,000
172	10	NGHỆ AN	DINH THI HOAI	5,500	100,000
173	12	ĐỒNG NAI	NGUYEN HUY HOANG	5,500	100,000
174	20	HÀ TỈNH	MAI HUYEN TRANG	5,500	100,000
175	63	LONG AN	NGUYEN THI HUE	5,500	100,000
176	81	NINH THUẬN	HUYNH THI SAU	5,500	100,000
177	84	BẮC BÌNH DƯƠNG	TRUONG DAN TRUONG	5,500	100,000
178	102	PHỐ HIẾN	HO TIEN DUY	5,500	100,000
179	34	HẢI DƯƠNG	LE VAN HANH	5,490	100,000
180	29	GIA LAI	SIU H NUIN	5,487	100,000
181	70	TÂY NINH	DANH PHAI	5,482	100,000
182	34	HẢI DƯƠNG	TRAN THI NAM	5,477	100,000
183	69	TÂY HÀ NỘI	NGUYEN TIEN HIEU	5,465	100,000
184	34	HẢI DƯƠNG	PHAM THI HOA	5,461	100,000
185	35	BẮC NINH	TRAN VAN THINH	5,435	100,000
186	36	VĨNH PHÚC	PHUNG THI HOA	5,422	100,000
187	10	NGHỆ AN	TRUONG VAN THIN	5,416	100,000
188	3	HẢI PHÒNG	NGUYEN THI PHUONG	5,400	100,000
189	16	HUẾ	HO THI NGOAN	5,400	100,000
190	97	NAM HÀ NỘI	VU THI NHUONG	5,394	100,000
191	1	SỞ GIAO DỊCH	HOANG KIM THUY	5,389	100,000
192	31	QUẢNG BÌNH	HOANG THI MAI	5,359	100,000
193	42	HÙNG VƯƠNG	NGUYEN PHAT DAT	5,355	100,000
194	60	ĐỒNG THÁP	PHAM VAN HUU	5,343	100,000
195	51	SÀI THÀNH	NGUYEN THI NGOC HA	5,323	100,000
196	55	MÔNG CÁI	NGUYEN THI LIEN	5,319	100,000
197	31	QUẢNG BÌNH	PHAN THI HOA	5,304	100,000
198	58	NHA TRANG	NGUYEN THANH QUY PHUONG	5,300	100,000
199	60	ĐỒNG THÁP	PHAM THI SUONG	5,300	100,000
200	1	SỞ GIAO DỊCH	NGUYEN THI THU HIEN	5,295	100,000
201	74	TRÀ VINH	NHAN THI THU HA	5,294	100,000
202	20	HÀ TỈNH	NGUYEN THI TIN	5,290	100,000
203	63	LONG AN	HUYNH TRONG THANH	5,287	100,000
204	10	NGHỆ AN	PHAN VAN LUAN	5,237	100,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
205	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN DINH HOE	5,230	100,000
206	16	HUẾ	QUY THI NGUYEN	5,200	100,000
207	20	HÀ TĨNH	NGO THI KIM	5,200	100,000
208	38	THỦ ĐỨC	NGUYEN THI MY ANH	5,200	100,000
209	74	TRÀ VINH	TRAN THI KIM BACH	5,200	100,000
210	78	THANH HÓA	LE DINH LICH	5,200	100,000
211	88	GIA ĐỊNH	HOANG THI TUAN ANH	5,200	100,000
212	95	LÀO CAI	PHAM THANH NHUT	5,200	100,000
213	36	VĨNH PHÚC	TRAN VAN TAM	5,193	100,000
214	34	HẢI DƯƠNG	TRAN VAN DUONG	5,191	100,000
215	20	HÀ TĨNH	PHAM MINH CHAU	5,181	100,000
216	43	QUY NHƠN	NGUYEN TAT PHUOC	5,174	100,000
217	7	HỒ CHÍ MINH	PHAM THI THANH TRAM	5,118	100,000
218	12	ĐỒNG NAI	LE NGOC GIANG TIEN	5,108	100,000
219	96	ĐỒNG ANH	HOANG THI TRANG	5,099	100,000
220	6	KHÁNH HÒA	NGUYEN TONG BAC	5,084	100,000
221	64	BẮC HÀ TĨNH	LE THI THUY GIANG	5,076	100,000
222	21	THÁI BÌNH	DOAN THI HUE	5,054	100,000
223	16	HUẾ	VO VINH	5,053	100,000
224	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI KHUONG	5,047	100,000
225	10	NGHỆ AN	NGUYEN THI VIET	5,043	100,000
226	10	NGHỆ AN	PHAN THI HIEN	5,042	100,000
227	34	HẢI DƯƠNG	DANG THI TUYET	5,037	100,000
228	22	NINH BÌNH	PHAM THANH TUNG	5,026	100,000
229	24	BẾN TRE	NGUYEN VAN TUYEN	5,017	100,000
230	47	CHÂU ĐỐC	NGUYEN VAN THANH	5,017	100,000
231	20	HÀ TĨNH	NGUYEN THI LIEN	5,010	100,000
232	36	VĨNH PHÚC	TRUONG THI TIEN	5,007	100,000
233	1	SỞ GIAO DỊCH	DUONG DUC NAM	5,000	100,000
234	2	HÀ NỘI	HA HONG ANH	5,000	100,000
235	4	ĐÀ NẴNG	TRA THI THU	5,000	100,000
236	4	ĐÀ NẴNG	PHAM THI THU HA	5,000	100,000
237	5	BÌNH ĐỊNH	HUYNH THI LY	5,000	100,000
238	5	BÌNH ĐỊNH	HUYNH THI PHUONG	5,000	100,000
239	6	KHÁNH HÒA	PHAN THE HUNG	5,000	100,000
240	6	KHÁNH HÒA	NGUYEN THI MAI XUAN	5,000	100,000
241	6	KHÁNH HÒA	LE THI TAM	5,000	100,000
242	6	KHÁNH HÒA	NGUYEN PHU QUOC	5,000	100,000
243	6	KHÁNH HÒA	PHAM THI THU HONG	5,000	100,000
244	7	HỒ CHÍ MINH	LE VIET HOANG HAI	5,000	100,000
245	7	HỒ CHÍ MINH	GENTIL KAKENDI MUHINDO	5,000	100,000
246	10	NGHỆ AN	DINH THI GIANG	5,000	100,000
247	10	NGHỆ AN	HOANG THI NHAN	5,000	100,000
248	10	NGHỆ AN	TRAN CAO NGUYEN	5,000	100,000
249	10	NGHỆ AN	NGUYEN VAN GIANG	5,000	100,000
250	16	HUẾ	TRUONG THAI	5,000	100,000
251	16	HUẾ	DUONG THUY TRANG	5,000	100,000
252	16	HUẾ	TRAN THI NGOC TUYEN	5,000	100,000
253	16	HUẾ	HUYNH THI MO	5,000	100,000
254	16	HUẾ	HO THI PHUONG THAO	5,000	100,000
255	16	HUẾ	NGO DUC HOAN	5,000	100,000
256	19	CÀ MAU	DUONG VAN DANH	5,000	100,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
257	24	BẾN TRE	NGUYEN THI HIEN	5,000	100,000
258	27	QUẢNG NGÃI	NGUYEN THI TUYET	5,000	100,000
259	28	BÌNH DƯƠNG	NGUYEN THI PHUONG	5,000	100,000
260	29	GIA LAI	PHAN XUAN CUONG	5,000	100,000
261	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI KIEM	5,000	100,000
262	33	SÀI GÒN	NGUYEN TIEN THANH	5,000	100,000
263	35	BẮC NINH	NGUYEN THI LAM	5,000	100,000
264	35	BẮC NINH	TRAN THI LAN PHUONG	5,000	100,000
265	36	VĨNH PHÚC	NGUYEN THI BICH HONG	5,000	100,000
266	39	TÂY CẦN THƠ	NGUYEN VAN DUNG	5,000	100,000
267	40	NHƠN TRẠCH	TRAN THI THUY LAN	5,000	100,000
268	41	NAM BÌNH DƯƠNG	NGUYEN QUOC ANH	5,000	100,000
269	42	HÙNG VƯƠNG	PHAM TU ANH	5,000	100,000
270	44	TÂN BÌNH	NGUYEN THI THU HANG	5,000	100,000
271	44	TÂN BÌNH	LE QUANG TIEN	5,000	100,000
272	47	CHÂU ĐỐC	HO VAN TUNG	5,000	100,000
273	50	BẮC SÀI GÒN	HOANG THI KIM PHUONG	5,000	100,000
274	51	SÀI THÀNH	LAM HONG HUNG	5,000	100,000
275	56	LÂM ĐỒNG	PHAM THI BE	5,000	100,000
276	58	NHA TRANG	NGUYEN NGOC PHUOC	5,000	100,000
277	60	ĐÔNG THÁP	NGUYEN THI MY KIM	5,000	100,000
278	62	BÌNH THUẬN	NGUYEN THI CHUNG	5,000	100,000
279	63	LONG AN	VO TRI TUNG	5,000	100,000
280	64	BẮC HÀ TĨNH	TRAN THI KIM DUNG	5,000	100,000
281	67	TIỀN GIANG	VAN TAU HOANG	5,000	100,000
282	67	TIỀN GIANG	TRAN THI NGOC TRANG	5,000	100,000
283	70	TÂY NINH	TRUONG MINH TAN	5,000	100,000
284	73	BẮC GIANG	DINH VAN TUAT	5,000	100,000
285	74	TRÀ VINH	LE THI MY DUNG	5,000	100,000
286	74	TRÀ VINH	LUU GIA LOC	5,000	100,000
287	74	TRÀ VINH	NGUYEN THI KIEU PHUONG	5,000	100,000
288	79	VĨNH LONG	TRAN ANH NGOC THAI	5,000	100,000
289	79	VĨNH LONG	CHUNG ANH THU	5,000	100,000
290	81	NINH THUẬN	NGUYEN THUY MINH HIEU	5,000	100,000
291	82	THÁI NGUYỄN	NGUYEN TRUONG GIANG	5,000	100,000
292	83	NAM ĐỊNH	NGUYEN THI THANH HUONG	5,000	100,000
293	87	LONG KHÁNH	TONG THAI SON	5,000	100,000
294	87	LONG KHÁNH	LE ANH KHOA	5,000	100,000
295	88	GIA ĐỊNH	PHAM THI AI	5,000	100,000
296	89	BẠC LIÊU	TA VU HUNG	5,000	100,000
297	92	NHÀ RỒNG	LUONG THI BE	5,000	100,000
298	100	NAM ĐÀ NẴNG	NGUYEN THI TUYET HANH	5,000	100,000
299	103	NAM HẢI PHÒNG	PHUNG DUC QUANG	5,000	100,000
300	103	NAM HẢI PHÒNG	DAO VAN CUONG	5,000	100,000
301	15	AN GIANG	TRAN THI LOAN	4,998	100,000
302	90	HÀ NAM	KIEU VIET HOA	4,996	100,000
303	7	HỒ CHÍ MINH	NGUYEN THI KIM NGAN	4,991	100,000
304	91	TÂN SƠN NHẤT	NGUYEN DUY QUANG	4,990	100,000
305	31	QUẢNG BÌNH	PHAN THI THOM	4,982	100,000
306	86	VINH	NGO XUAN DUNG	4,973	100,000
307	10	NGHỆ AN	VUONG THI KHUYEN	4,972	100,000
308	8	VŨNG TÁU	VO THI NGOC PHUONG	4,967	100,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
309	8	VŨNG TÀU	LE THI TU	4,954	100,000
310	20	HÀ TĨNH	LE THI THUY	4,939	100,000
311	24	BẾN TRE	VO VAN THAN	4,934	100,000
312	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN LUONG THIEN	4,928	100,000
313	20	HÀ TĨNH	DAU THI TRAM	4,926	100,000
314	11	CẦN THƠ	NGUYEN THI THUY TIEN	4,900	100,000
315	32	SÓC TRĂNG	VAN HIEP PHAT	4,900	100,000
316	10	NGHỆ AN	PHAM THI LOAN	4,899	100,000
317	8	VŨNG TÀU	CAO THANH DUNG	4,893	100,000
318	20	HÀ TĨNH	TRAN THI ANH	4,891	100,000
319	45	THÀNH CÔNG	NGUYEN BICH HA	4,863	100,000
320	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN THI KIM DUNG	4,844	100,000
321	10	NGHỆ AN	TRUONG CONG HIEN	4,805	100,000
322	6	KHÁNH HÒA	TRAN VAN LUC	4,800	100,000
323	19	CÀ MAU	TRUONG THI NGOC DIEP	4,800	100,000
324	86	VINH	TRAN VIET HAI	4,800	100,000
325	3	HẢI PHÒNG	NGUYEN THI LAN	4,770	100,000
326	62	BÌNH THUẬN	VO THI HOA	4,767	100,000
327	65	QUẢNG NAM	PHAM PHU TUAN	4,755	100,000
328	78	THANH HÓA	NGUYEN VAN QUANG	4,754	100,000
329	58	NHA TRANG	VU DUC THINH	4,750	100,000
330	34	HẢI DƯƠNG	VU THI VAN	4,743	100,000
331	65	QUẢNG NAM	NGO THI MY THUY	4,743	100,000
332	63	LONG AN	NGUYEN THI LANH	4,722	100,000
333	6	KHÁNH HÒA	HA THI MY LE	4,700	100,000
334	7	HỒ CHÍ MINH	TRAN THANH NGOC	4,700	100,000
335	70	TÂY NINH	LE THI THANH DUNG	4,700	100,000
336	14	QUẢNG NINH	DINH VAN XUAN	4,662	100,000
337	64	BẮC HÀ TĨNH	PHAN VAN TRINH	4,654	100,000
338	61	BÀ ĐÌNH	PHAM THUONG HUYEN	4,646	100,000
339	20	HÀ TĨNH	TRAN THI LIEN	4,634	100,000
340	34	HẢI DƯƠNG	TA DINH TUYEN	4,626	100,000
341	10	NGHỆ AN	DINH THI MAI	4,619	100,000
342	16	HUẾ	TRUONG LINH	4,600	100,000
343	21	THÁI BÌNH	NGUYEN THI MAI	4,600	100,000
344	3	HẢI PHÒNG	LE THI CANH	4,598	100,000
345	21	THÁI BÌNH	NGUYEN THI NHAN	4,581	100,000
346	62	BÌNH THUẬN	NGUYEN THI TRANG	4,571	100,000
347	20	HÀ TĨNH	TRAN THI NGÀ	4,568	100,000
348	73	BẮC GIANG	NGUYEN THI THOI	4,565	100,000
349	34	HẢI DƯƠNG	LE THI HUYEN	4,560	100,000
350	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI THANH	4,554	100,000
351	78	THANH HÓA	NGUYEN VAN TIEN	4,554	100,000
352	20	HÀ TĨNH	NGUYEN PHU	4,551	100,000
353	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN HUU THANG	4,551	100,000
354	97	NAM HÀ NỘI	LE THI PHUONG ANH	4,550	100,000
355	64	BẮC HÀ TĨNH	LE THI LUC	4,544	100,000
356	78	THANH HÓA	NGUYEN THI THUY	4,540	100,000
357	14	QUẢNG NINH	TA THI CHINH	4,535	100,000
358	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN QUANG LONG	4,535	100,000
359	35	BẮC NINH	PHAM THI NHUNG	4,535	100,000
360	77	QUẢNG TRỊ	TRAN THI DUY	4,535	100,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
361	78	THANH HÓA	NGUYEN HUU THO	4,535	100,000
362	80	PHÚ THỌ	HA VAN LUC	4,535	100,000
363	90	HÀ NAM	PHAM VAN NGUYEN	4,535	100,000
364	102	PHỐ HIẾN	NGUYEN THI HUONG	4,535	100,000
365	65	QUẢNG NAM	PHAM THI PHUONG	4,530	100,000
366	78	THANH HÓA	PHAN THI PHUONG	4,530	100,000
367	20	HÀ TĨNH	TRAN THI THUY	4,517	100,000
368	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI THUY	4,513	100,000
369	40	NHƠN TRẠCH	NGUYEN THI MAI LOAN	4,510	100,000
370	6	KHÁNH HÒA	NGUYEN THI HIEU	4,500	100,000
371	8	VŨNG TÀU	NGUYEN DUC HOA	4,500	100,000
372	10	NGHỆ AN	TRAN PHUOC CUONG	4,500	100,000
373	10	NGHỆ AN	HOANG VAN THANG	4,500	100,000
374	11	CẦN THƠ	LE QUANG TUAN	4,500	100,000
375	16	HUẾ	TRAN CAM	4,500	100,000
376	16	HUẾ	LE VAN THIEN	4,500	100,000
377	16	HUẾ	NGUYEN THI TAM	4,500	100,000
378	20	HÀ TĨNH	LE THI HOP	4,500	100,000
379	20	HÀ TĨNH	VO DINH DAN	4,500	100,000
380	22	NINH BÌNH	DINH THI THUONG	4,500	100,000
381	23	ĐẮK LẮK	NGUYEN DINH TUONG	4,500	100,000
382	23	ĐẮK LẮK	NGUYEN DUC PHU	4,500	100,000
383	33	SÀI GÒN	PHAM THI HONG PHUONG	4,500	100,000
384	34	HẢI DƯƠNG	DU DUC NGHIA	4,500	100,000
385	44	TÂN BÌNH	HO THI CANG	4,500	100,000
386	62	BÌNH THUẬN	LE VIET HUNG	4,500	100,000
387	63	LONG AN	PHAN TRI MAN	4,500	100,000
388	67	TIỀN GIANG	TRAN HUU NAM	4,500	100,000
389	74	TRÀ VINH	TRUONG THI MY HOANG	4,500	100,000
390	79	VĨNH LONG	NGUYEN THUY HOANG AN	4,500	100,000
391	83	NAM ĐỊNH	TRAN SY QUAN	4,500	100,000
392	84	BẮC BÌNH DƯƠNG	NGUYEN TIN NHAN	4,500	100,000
393	86	VINH	PHAM BA DONG	4,500	100,000
394	99	TÂY HỒ	NGUYEN THI THUY NGA	4,496	100,000
395	16	HUẾ	LE THI KIM LOAN	4,493	100,000
396	21	THÁI BÌNH	DO XUAN TRUONG	4,493	100,000
397	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI NGHIA	4,493	100,000
398	43	QUY NHƠN	NGUYEN VAN DONG	4,489	100,000
399	73	BẮC GIANG	TRUONG THI PHUONG	4,489	100,000
400	94	SÓC SƠN	NGUYEN VAN AN	4,489	100,000
401	3	HẢI PHÒNG	NGUYEN THI KIM ANH	4,485	100,000
402	34	HẢI DƯƠNG	VUONG VAN DAO	4,474	100,000
403	31	QUẢNG BÌNH	LE THI LOAN	4,466	100,000
404	6	KHÁNH HÒA	NGUYEN VAN KHAN	4,463	100,000
405	10	NGHỆ AN	VO THI QUE	4,463	100,000
406	83	NAM ĐỊNH	NGUYEN TRUNG TOAN	4,463	100,000
407	50	BẮC SÀI GÒN	NGUYEN THI PHUONG	4,457	100,000
408	12	ĐỒNG NAI	HUYNH THANH PHONG	4,445	100,000
409	20	HÀ TĨNH	NGUYEN THI LAC	4,438	100,000
410	73	BẮC GIANG	NGUYEN DUC CUONG	4,437	100,000
411	78	THANH HÓA	HOANG THI HUONG	4,433	100,000
412	20	HÀ TĨNH	TRAN THI HA	4,431	100,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
413	34	HẢI DƯƠNG	PHUNG VAN NINH	4,431	100,000
414	69	TÂY HÀ NỘI	BUI THI MINH THUONG	4,427	100,000
415	3	HẢI PHÒNG	CHU THI THU HIEN	4,422	100,000
416	31	QUẢNG BÌNH	TRAN THI VAN	4,415	100,000
417	49	THẮNG LONG	TONG MINH DOAN	4,415	100,000
418	78	THANH HÓA	LE THI HIEN	4,415	100,000
419	31	QUẢNG BÌNH	HOANG VAN THONG	4,413	100,000
420	64	BẮC HÀ TĨNH	LE VAN DINH	4,413	100,000
421	103	NAM HẢI PHÒNG	LE VAN NGAI	4,413	100,000
422	20	HÀ TĨNH	LE THI DINH	4,404	100,000
423	5	BÌNH ĐỊNH	HUYNH THI MY TRANG	4,403	100,000
424	15	AN GIANG	LE HOAI THUONG	4,400	100,000
425	56	LÂM ĐỒNG	VAN DUY TRIET	4,400	100,000
426	74	TRÀ VINH	LE THI NGOC TRINH	4,400	100,000
427	83	NAM ĐỊNH	TRAN NGOC LINH	4,400	100,000
428	83	NAM ĐỊNH	LE THANH TRUYEN	4,396	100,000
429	10	NGHỆ AN	NGUYEN SONG TOAN	4,391	100,000
430	31	QUẢNG BÌNH	MAI THI MEN	4,389	100,000
431	4	ĐÀ NẴNG	TRAN THI KIM PHUNG	4,387	100,000
432	82	THÁI NGUYÊN	HOANG THI THIEN	4,383	100,000
433	56	LÂM ĐỒNG	HA THUC HUNG	4,381	100,000
434	14	QUẢNG NINH	NGUYEN THI THU THUY	4,366	100,000
435	18	NAM SÀI GÒN	MAMERTO ORDINARIO	4,364	100,000
436	40	NHƠN TRẠCH	DINH QUANG KHAI	4,353	100,000
437	12	ĐỒNG NAI	TRAN THI LE THUY	4,350	100,000
438	23	ĐẮK LẮK	NGO THI HONG DUYEN	4,350	100,000
439	31	QUẢNG BÌNH	HOANG THI OANH	4,342	100,000
440	64	BẮC HÀ TĨNH	CHU THI KIM SA	4,325	100,000
441	33	SÀI GÒN	NGUYEN THI NGOC ANH	4,319	100,000
442	10	NGHỆ AN	NGUYEN THI THUAN	4,300	100,000
443	16	HUẾ	HUYNH LE DIEM PHUC	4,300	100,000
444	11	CẦN THƠ	NGUYEN NGOC TRUC	4,296	100,000
445	83	NAM ĐỊNH	LUU THI THU	4,289	100,000
446	20	HÀ TĨNH	NGUYEN TIEN SU	4,267	100,000
447	73	BẮC GIANG	NGUYEN THI HUNG	4,265	100,000
448	20	HÀ TĨNH	NGUYEN VAN TRUC	4,262	100,000
449	27	QUẢNG NGÃI	MAI THI BICH LY	4,250	100,000
450	10	NGHỆ AN	TRUONG THI LY	4,247	100,000
451	48	BIỂN HOÀ	NGUYEN THI THU HIEN	4,232	100,000
452	34	HẢI DƯƠNG	MAC VAN THIN	4,221	100,000
453	31	QUẢNG BÌNH	PHAM THI DIU	4,218	100,000
454	15	AN GIANG	LE THI THUY	4,203	100,000
455	6	KHÁNH HÒA	NGUYEN THI THUY PHUONG	4,200	100,000
456	12	ĐỒNG NAI	DINH HOANG HUAN	4,200	100,000
457	20	HÀ TĨNH	CAO VAN CAT	4,200	100,000
458	56	LÂM ĐỒNG	NGUYEN THI NGOC BICH	4,200	100,000
459	67	TIỀN GIANG	PHAN THANH NGHI	4,200	100,000
460	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN THI MINH NGOC	4,195	100,000
461	34	HẢI DƯƠNG	TRAN THI MAI	4,184	100,000
462	12	ĐỒNG NAI	NGUYEN TRAN KHANH NHI	4,172	100,000
463	96	ĐỒNG ANH	NGUYEN VAN HUNG	4,171	100,000
464	35	BẮC NINH	NGUYEN HUU VINH	4,170	100,000

STT	Mã CN	Tên CN	Tên Khách hàng	Tổng tiền	Tiền thưởng
465	34	HẢI DƯƠNG	VU VAN HONG	4,168	100,000
466	35	BẮC NINH	NGUYEN THI THOM	4,149	100,000
467	83	NAM ĐỊNH	TRAN VAN KHAM	4,125	100,000
468	20	HÀ TĨNH	DAO THI LOAN	4,121	100,000
469	83	NAM ĐỊNH	NGUYEN VAN THEM	4,114	100,000
470	78	THANH HÓA	NGUYEN THI MO	4,112	100,000
471	32	SỐC TRĂNG	VO DUONG KHANH	4,104	100,000
472	5	BÌNH ĐỊNH	VO VAN CUONG	4,100	100,000
473	16	HUẾ	NGUYEN THI HUE	4,100	100,000
474	78	THANH HÓA	DO THI PHUONG	4,095	100,000
475	112	TUYÊN QUANG	PHAM THI TAM	4,094	100,000
476	10	NGHỆ AN	NGUYEN VAN CHIEN	4,089	100,000
477	34	HẢI DƯƠNG	VU XUAN THAO	4,080	100,000
478	34	HẢI DƯƠNG	NGUYEN VAN NGANH	4,080	100,000
479	59	HƯNG YÊN	TRAN THI THUAN	4,080	100,000
480	73	BẮC GIANG	NGUYEN VAN XUAN	4,080	100,000
481	31	QUẢNG BÌNH	NGUYEN VAN QUYET	4,079	100,000
482	16	HUẾ	HO THI PHUOC	4,075	100,000
483	10	NGHỆ AN	HOANG XUAN HONG	4,061	100,000
Tổng					70,000,000